

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 2430/QĐ-VHL ngày 30/12/2016
của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam)

Đơn vị: VIỆN HOÁ SINH BIỂN



A. NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ:

Đơn vị: triệu đồng

20.420,0

A.I. Nhiệm vụ cấp Quốc gia:

470,0

Đề tài độc lập: (1 đề tài)

470,0

ĐTĐLCN.17/14. Nghiên cứu metagenome của vi sinh vật liên kết hải miên tại biển miền Trung Việt Nam nhằm phát hiện và sàng lọc các chất hoạt tính sinh học mới.

470,0

Tổng kinh phí: 3.670 triệu đồng, đã cấp: 2.500 triệu đồng.

Chủ nhiệm: PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Cúc.

A.II. Đề tài KHCN theo 7 hướng ưu tiên cấp Viện Hàn lâm KHCNVN:

600,0

Hướng Đa dạng sinh học và Các chất có hoạt tính sinh học: (2 đề tài)

600,0

1. VAST04.03/17-18. Nghiên cứu phân lập nhóm hoạt chất alkaloid từ cây bá bệnh -Eurycoma longifolia và đánh giá tác dụng kháng viêm trên in vitro và in vivo.

600,0

Tổng kinh phí: 600 triệu đồng.

Chủ nhiệm: TS. Nguyễn Hải Đăng.

2. VAST04.07/17-18. Sàng lọc các chất có hoạt tính sinh học từ vi nấm biển phân lập từ mẫu trầm tích thu thập ở vùng biển Cô Tô - Thanh Lân.

300,0

Tổng kinh phí: 600 triệu đồng.

Chủ nhiệm: TS. Lê Thị Hồng Minh.

A.III. Đề tài độc lập cấp Viện Hàn lâm KHCNVN:

A.IV. Đề tài độc lập trẻ cấp Viện Hàn lâm KHCNVN: (2 đề tài)

500,0

1. VAST.ĐLT.08/16-17. Nghiên cứu công nghệ chiết xuất gelatinr chất lượng cao từ vây cá biển bằng phương pháp sử dụng enzyme và dung dịch điện hóa hoạt hóa nhằm ứng dụng trong thực phẩm và y dược.

250,0

Tổng kinh phí: 500 triệu đồng, đã cấp: 250 triệu đồng.

Chủ nhiệm: TS. Cao Thị Huệ.

2. VAST.ĐLT.07/17-18. Nghiên cứu phân lập steroidal saponin từ cây lu lu đực (Solanum nigrum Linn) và đánh giá tác dụng kháng tế bào ung thư.

250,0

Tổng kinh phí: 500 triệu đồng.

Chủ nhiệm: TS. Bùi Hữu Tài.

A.V. Nhiệm vụ Chủ tịch Viện Hàn lâm KHCNVN giao:

A.VI. Đề tài đặt hàng các Hội đồng khoa học ngành:

A.VII. Nhiệm vụ, dự án KHCN trọng điểm cấp Viện Hàn lâm: (7)	17.200,0
1. VAST.TĐ.DLB.01/16-18. Nghiên cứu khai thác dược liệu hải miên ở vùng biển Trung bộ (vùng biển Bắc Trung Bộ đến biển Trung Trung Bộ Việt Nam) theo định hướng hoạt tính diệt tế bào ung thư nhằm tạo ra sản phẩm có tác dụng hỗ trợ điều trị bệnh ung thư. Tổng kinh phí: 7.250 triệu đồng, đã cấp: 2.200 triệu đồng. Chủ nhiệm: PGS. TS. Phan Văn Kiệm.	2.400,0
2. VAST.TĐ.DLB.02/16-18. Nghiên cứu phân lập các hợp chất từ nguồn san hô mềm ở vùng biển Trung bộ (vùng biển Bắc Trung Bộ đến biển Trung Trung Bộ Việt Nam) nhằm tìm kiếm các hoạt chất có khả năng diệt tế bào ung thư thử nghiệm và hoạt tính kháng vi sinh vật kiểm định. Tổng kinh phí: 7.250 triệu đồng, đã cấp: 2.200 triệu đồng.	2.600,0
3. VAST.TĐ.DLB.03/16-18. Nghiên cứu phân lập các hợp chất từ một số động vật Da gai ở vùng biển Trung Bộ (vùng biển Bắc Trung Bộ đến biển Trung Trung Bộ Việt Nam) nhằm tìm kiếm các hoạt chất có khả năng diệt tế bào ung thư thử nghiệm và kháng viêm nhằm tạo ra sản phẩm có tác dụng hỗ trợ tăng cường sức khỏe. Tổng kinh phí: 7.600 triệu đồng, đã cấp: 2.200 triệu đồng. Chủ nhiệm: TS. Nguyễn Xuân Cường.	2.800,0
4. VAST.TĐ.DLB.04/16-18. Nghiên cứu phát hiện các hợp chất kháng lao và kháng sinh từ nguồn vi sinh vật đáy biển vùng biển Trung Bộ (vùng biển Bắc Trung Bộ đến Trung Trung Bộ Việt Nam). Tổng kinh phí: 5.800 triệu đồng, đã cấp: 1.800 triệu đồng. Chủ nhiệm: PGS. TS. Phạm Văn Cường.	2.000,0
5. VAST.TĐ.DLB.06/16-18. Nghiên cứu các hợp chất thứ cấp có hoạt tính sinh học từ một số động vật thân mềm ở vùng biển Trung Bộ (vùng biển Bắc Trung Bộ đến biển Trung Trung Bộ Việt Nam). Tổng kinh phí: 5.800 triệu đồng, đã cấp: 2.000 triệu đồng. Chủ nhiệm: TS. Nguyễn Văn Thanh.	2.400,0
6. VAST.TĐ.DLB.07/16-18. Nghiên cứu các hợp chất thứ cấp có hoạt tính sinh học từ vi tảo biển ở vùng biển Trung Bộ (vùng biển Bắc Trung Bộ đến biển Trung Trung Bộ Việt Nam). Tổng kinh phí: 3.800 triệu đồng, đã cấp: 1.400 triệu đồng. Chủ nhiệm: TS. Nguyễn Thị Minh Hằng.	1.000,0
7. VAST.TĐ.TP.05/16-18. Nghiên cứu áp dụng phương pháp fingerprint trong xác định thành phần thực phẩm chức năng. Tổng kinh phí: 10.000 triệu đồng, đã cấp: 2.000 triệu đồng. Chủ nhiệm: TS. Trần Thị Hồng Hạnh.	4.000,0

A.VIII. Đề tài hợp tác với các ngành, địa phương, ứng dụng CN: (2)	1.000,0
1. VAST.UDCN.03/14-17. Nghiên cứu hoàn thiện quy trình phân lập ecdysteroid và bào chế thực phẩm chức năng FRAGRA từ cây lược vàng. Tổng kinh phí: 2.500 triệu đồng, đã cấp: 2.000 triệu đồng. Chủ nhiệm: TS. Nguyễn Thị Minh Hằng.	500,0
2. VAST.UDCN.05/14-16. Xác định thành phần hóa học của một số thuốc tại tỉnh Hà Giang làm cơ sở khoa học cho việc xây dựng vùng dược liệu tỉnh. Tổng kinh phí: 3.200 triệu đồng, đã cấp: 2.700 triệu đồng. Chủ nhiệm: TS. Nguyễn Tiến Đạt.	500,0
A.IX. Dự án SXTN cấp Viện Hàn lâm KHCNVN:	
A.X. Nhiệm vụ HTQT cấp Viện Hàn lâm KHCNVN: (6 nhiệm vụ)	650,0
1. VAST.HTQT.NGA.04/16-17. Nghiên cứu cấu trúc và hoạt tính sinh	100,0
2. Hợp phần 4: Nghiên cứu các sinh vật biển trong nhiệm vụ tàu nghiên cứu biển Viện sỹ Oparin vào khảo sát tại VN lần thứ 5, nhằm phát hiện các chất có hoạt tính sinh học phục vụ cho nghiên cứu y - sinh - dược học thuộc nhiệm vụ 'Khảo sát, nghiên cứu đa dạng sinh học và hóa sinh lần thứ 5 giữa VAST – FEB RAS bằng tàu Viện sỹ Oparin trong vùng biển Việt Nam'. Kinh phí: 800 triệu đồng, đã cấp: 700 triệu đồng. Chủ nhiệm: TS. Nguyễn Hoài Nam.	100,0
3. VAST.HTQT.BELAR.01/16-17. Nghiên cứu thành phần hóa học và hoạt tính sinh học của cây rau dền cơm <i>Amaranthus viridis</i> thu hái tại Việt Nam. Tổng kinh phí: 200 triệu đồng, đã cấp: 100 triệu đồng. Chủ nhiệm: TS. Cao Thị Huệ.	100,0
4. VAST.HTQT.BELAR.05/16-17. Nghiên cứu nhân giống in vitro cây dây thìa canh. Tổng kinh phí: 300 triệu đồng, đã cấp: 150 triệu đồng. Chủ nhiệm: TS. Lê Quỳnh Liên.	150,0
5. VAST.HTQT.NHATBAN.02/15-17. Nghiên cứu hoạt tính sinh học của hợp chất terpenoid từ thực vật tại Việt Nam và phát triển hệ thống biểu hiện các hợp chất tiềm năng. Tổng kinh phí: 300 triệu đồng, đã cấp: 200 triệu đồng. Chủ nhiệm: TS. Trần Mỹ Linh.	100,0
6. Nghiên cứu phân lập các hợp chất kháng viêm và bảo vệ tế bào từ các chủng vi nấm từ sinh vật biển ở vùng biển miền Trung – Việt Nam. Tổng kinh phí: 200 triệu đồng. Chủ nhiệm: TS. Trần Hồng Quang.	100,0
B. HOẠT ĐỘNG KHCN KHÁC:	300,0
B.I. Hỗ trợ nghiên cứu cơ bản:	



B.II. Hoạt động của các tạp chí KHCN của Viện Hàn lâm:	
B.III. Mua tạp chí và sách báo KHCN:	
B.IV. Các hoạt động KHCN khác:	300,0
Hoạt động của Trung tâm tiên tiến về hoá sinh hữu cơ	300,0
C. NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN:	4.976,4
C.I. Quý lương:	3.689,1
1. Lương và các khoản bảo hiểm, kinh phí công đoàn, trợ cấp thất nghiệp (tổng cộng là 24%):	3.483,2
2. Bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật:	205,9
3. Kinh phí cải cách tiền lương: <i>Giao sau</i>	
C.II. Hỗ trợ lương hợp đồng do Viện Hàn lâm KHCNVN trả:	
C.III. Chi thường xuyên hoạt động bộ máy:	330,3
1. Kinh phí chi thường xuyên hoạt động bộ máy:	330,3
2. Kinh phí hỗ trợ hoạt động chung:	
3. Kinh phí hỗ trợ hoạt động bộ máy trả lương hợp đồng:	
C.IV. Chi thường xuyên đài, trạm phục vụ NCKH:	
C.V. Nhiệm vụ nghiên cứu cấp cơ sở (đơn vị chủ động xác định và quản lý):	627,0
C.VI. Hỗ trợ nhiệm vụ cơ sở cho cán bộ trẻ:	160,0
2 cán bộ trẻ trình độ tiến sỹ x 30 trđ = 60 trđ	
5 cán bộ trẻ trình độ thạc sỹ x 20 trđ = 100 trđ	
C.VII. Hỗ trợ công trình công bố:	170,0
19 bài báo đạt chuẩn SCI x 3 trđ = 57 trđ	
24 bài báo đạt chuẩn SCI-E x 3 trđ = 72 trđ	
8 bài báo đạt chuẩn ISSN x 0,5 trđ = 4 trđ	
48 bài báo đăng trên các tạp chí khác của VAST x 0,5 trđ = 24 trđ	
2 Phát minh sáng chế x 5 trđ = 10 trđ	
1 Giải pháp hữu ích x 3 trđ = 3 trđ	
D. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG TIỀM LỰC KHCN:	20.850,0
D.I. Xây dựng cơ bản:	
<i>Thông báo sau</i>	
D.II. Sửa chữa-nâng cấp cơ sở làm việc:	
D.III. Tăng cường trang thiết bị nghiên cứu:	20.850,0
1. Dự án 'Tăng cường năng lực trang thiết bị phòng thí nghiệm Hóa sinh hữu cơ nhằm nghiên cứu khai thác sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên sinh vật biển Việt Nam'.	20.000,0
Tổng kinh phí: 60.000 triệu đồng, đã cấp: 40.000 triệu đồng.	
2. Dự án 'Tăng cường năng lực nghiên cứu sâu về cơ chế hoạt động sinh học của các hợp chất từ nguồn sinh vật biển Việt Nam'.	850,0
Tổng kinh phí: 850 triệu đồng.	
E. CÁC KHOẢN HỖ TRỢ:	
F. NHIỆM VỤ THUỘC SỰ NGHIỆP KHÁC:	1.450,0

F.I. Đào tạo sau đại học:

F.II. Đào tạo đại học:

F.III. Đào tạo lại cán bộ công chức:

F.IV. Sự nghiệp văn hoá [Bảo tàng]:

F.V. Sự nghiệp kinh tế [Nhiệm vụ điều tra cơ bản]: (2)

1.450,0

1. VAST.ĐTCB.01/16-17. Điều tra các chất có hoạt tính sinh học từ nguồn thực vật rừng ngập mặn tại khu vực vịnh Hạ Long, khu vực vườn quốc gia Cát Bà và vườn quốc gia Bái Tử Long.

750,0

Tổng kinh phí: 1.500 triệu đồng, đã cấp: 750 triệu đồng.

Chủ nhiệm: TS. Nguyễn Văn Thanh.

2. Hợp phần nhánh số 4: Điều tra sàng lọc tìm kiếm các chất có hoạt tính chống ung thư và kháng sinh từ vi sinh vật biển Việt Nam thuộc Đề án 'VAST.ĐA47.12/16-19. Điều tra, đánh giá ký sinh trùng gây hại và vi sinh vật trên các vùng biển Việt Nam nhằm bảo vệ hệ sinh thái biển và sức khoẻ cộng đồng'.

700,0

Kinh phí: 3.500 triệu đồng, đã cấp: 200 triệu đồng.

Chủ nhiệm: PGS. TS. Phạm Văn Cường.

TỔNG CỘNG:

47.996,4

4
NGHỆ VIỆT



TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NĂM 2017

VIỆN HOÁ SINH BIỂN

(Theo loại, khoản kinh phí)

Đơn vị: triệu đồng

Số Loại, Khoản	Nội dung nhiệm vụ	Kinh phí		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước
Sự nghiệp khoa học (Loại 370-371)		46.546,4	46.546,4	
I. KP thực hiện nhiệm vụ KHCN		20.420,0	20.420,0	
A.I. Nhiệm vụ cấp Quốc gia		470,0	470,0	
A.II. ĐT 7 hướng cấp Viện HL		600,0	600,0	
A.III. ĐT độc lập cấp Viện HL				
A.IV. ĐT độc lập trẻ Viện HL		500,0	500,0	
A.V. Nhiệm vụ Chủ tịch Viện giao				
A.VI. ĐT đặt hàng các HĐKH ngành				
A.VII. NV, DA trọng điểm cấp Viện HL		17.200,0	17.200,0	
A.VIII. ĐT hợp tác với ngành, đ. phương		1.000,0	1.000,0	
A.IX. DA SXTN cấp Viện HL				
A.X. Nhiệm vụ HTQT cấp Viện HL		650,0	650,0	
2. Kinh phí thường xuyên		4.976,4	4.976,4	
C.I. Quỹ tiền lương		3.689,1	3.689,1	
C.II. Hỗ trợ lương HD do Viện HL trả				
C.III. Hoạt động bộ máy		330,3	330,3	
C.IV. Chi TX đài, trạm phục vụ NCKH				
C.V. Nhiệm vụ NC cấp cơ sở		627,0	627,0	
C.VI. Hỗ trợ NVCS cho CB trẻ		160,0	160,0	
C.VII. Hỗ trợ công trình công bố		170,0	170,0	
C.VIII. Hoạt động Phòng TNTĐ				
* Kinh phí tiết kiệm để CCTL				
3. Kinh phí không thường xuyên		21.150,0	21.150,0	
B.I. Hỗ trợ nghiên cứu cơ bản				
B.II. H.động của các T.chí KHCN				
B.III. Mua Tạp chí và sách báo KHCN				
B.IV. Các hoạt động KHCN khác		300,0	300,0	
D.II. Sửa chữa-nâng cấp				
D.III. Tăng cường trang thiết bị		20.850,0	20.850,0	
D.IV. Trang bị xe ô tô dùng chung				
E. Các khoản hỗ trợ				
II	Đ.tạo (L490-502, 503)	F.I. + F.II. Đào tạo + G.II. Vốn ng.nước		
III	ĐTlại CB (L490-504)	F.III. Đào tạo lại CBCC		
IV	SN VH (L550-556)	F.IV. Sự nghiệp văn hoá (Bảo tàng)		
V	SN KT (L430-432)	F.V. Sự nghiệp kinh tế (NV ĐTCB)	1.450,0	1.450,0
VI	SN MT (L280-281)	F.VI. Sự nghiệp môi trường		
VII	XDCB	D.I. XD cơ bản + G.I. Vốn ngoài nước		
TỔNG CỘNG:		47.996,4	47.996,4	